

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Nguyễn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Khu xxx, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Khu xxx, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T từ tháng 01/20xx. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng sống

ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/8/20xx. Hiện nay, con đã trưởng thành nên anh chị không phải nuôi dưỡng.

Bị đơn là chị Phạm Thị T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng chị T không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh M và cũng không tham gia các hoạt động tố tụng theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Phạm Văn Th (là anh ruột chị T) thì được biết, chị T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh M yêu cầu ly hôn, chị cũng đồng ý. Nhưng do bận công việc nên chị không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như: Không giao nộp văn bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham gia phiên họp, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M: Xử cho anh M được ly hôn chị Phạm Thị T. Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/8/20xx; hiện nay con đã trưởng thành nên anh chị không phải nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh M xin tự thỏa thuận với chị T nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Văn M khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị T hiện đang cư trú tại Khu xxx, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn là chị Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị T được xác lập với nhau từ tháng 01/20xx là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2016 đến nay, anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Xét thấy, anh M và chị T ly thân đến nay đã gần 05 năm, như vậy có đủ cơ sở khẳng định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, cho anh được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/8/20xx. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên anh chị không phải nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Anh M xin tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì anh M phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Anh M đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012173 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Anh M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND thị trấn T;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chi

